

MẪU NHÃN THUỐC

NHÃN HỘP

THÀNH PHẦN:

Sulpiride.....50mg

Tá dược.....vd.....1 viên nang cứng

CHỈ ĐỊNH:

Các trạng thái loạn thần kinh, ức chế thần kinh kèm suy nhược, loét dạ dày- tá tràng, viêm loét đại tràng. Dùng trong một số trường hợp chóng mặt.

LIỀU DÙNG: Theo chỉ dẫn của thầy thuốc

Liều trung bình: Người lớn uống 2-6 viên/ ngày, chia 2-3 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với thành phần của thuốc.

Uống bảo vệ dạ dày

Uống thường thận.

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng-cách

dùng và các thông tin khác:

xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM

BẢO QUẢN:

Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

SDK /Reg.No:

Tiêu chuẩn : TCCS

NSX (Mfg.date):

Số lô SX (Batch No):

HD (Exp.date):

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 25/9/13



THUỐC BÁN THEO ĐƠN

HỘP 10 VỈ X 10 VIÊN NANG CỨNG

ANCICON

Sulpiride 50mg



COPHAVINA

Chi nhánh CTCP Armephaco

XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150

112 Trần Hưng Đạo - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh

GMP-WHO

COMPOSITION:

Sulpiride.....50mg

Excipients.....s.q.....1 capsule

INDICATIONS:

Neuroticism, neurotic states with inhibition and neurasthenia or cenesthesiopathy, gastroduodenal ulcer, ulcerative colitis. It is also indicated in cases of vertigo.

DOSAGE: As directed by the physician.

The average dose: Adults 2-6 capsules daily, divided into 2-3 times.

CONTRAINDICATIONS:

Hypersensitivity to any ingredient of the formula

Pheochromocytoma

Suprarenal myeloma.

Indications, contraindications, dosage-

administration:

see leaflet inside for further informations.

CAREFULLY READ INSTRUCTIONS BEFORE USE

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

STORAGE:

Store in a dry place, temperature not too 30°C,

protect from light.

Specification: Manufacturer's

Tỷ lệ: 100%



SOLD ONLY BY PRESCRIPTION

BOX OF 10 BLISTERS X 10 CAPSULES

ANCICON

Sulpiride 50mg



COPHAVINA

Armephaco JSC branch

PHARMACEUTICAL FACTORY 150

112 Tran Hung Dao Street - Dist 1 - Ho Chi Minh City

GMP-WHO

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Giám đốc cơ sở sản xuất thuốc

CHI NHÁNH
CƠ PHÂN
COPHAVINA
XÍ NGHIỆP
DƯỢC PHẨM
150
(TP. HỒ CHÍ MINH)

KT GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC

ĐS. Nguyễn Thị Kim Hằng

MẪU NHÃN THUỐC

NHÃN CHAI

CHỈ ĐỊNH: Các trạng thái loạn thần kinh, ức chế thần kinh kèm suy nhược, loét dạ dày-tá tràng, viêm loét đại tràng. Dùng trong một số trường hợp chống mất. Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng-cách dùng và các thông tin khác: xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn : TCCS SBK/ Reg.No:	CHAI100 Viên nang cứng Capsules GMP-WHO Thuốc bán theo đơn ANCICON COPHAVINA Mỗi viên chứa-Each capsule contains: Sulpiride 50mg Chi nhánh CTCP Armephaco XI NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 112 Trần Hưng Đạo - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh	INDICATIONS: Neuroticism, neurotic states with inhibition and neurasthenia or cenesthesiopathy, gastroduodenal ulcer, ulcerative colitis. It is also indicated in cases of vertigo. Indications, contraindications, dosage-administration: see leaflet inside for further informations. CAREFULLY READ INSTRUCTIONS BEFORE USE KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN STORAGE: Store in a dry place, temperature not too 30°C, protect from light. Specification: Manufacturer's NSX (Mfg.date): Số lô SX (Batch No): HD (Exp.date):
--	---	---

Tỷ lệ: 100%

Ngày 18 tháng 04 năm 2013
Giám đốc cơ sở sản xuất thuốc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



DS. Nguyễn Thị Kim Hằng

MẪU NHÃN THUỐC

NHÃN VỈ



Tỷ lệ: 100%

Ngày 22 tháng 01 năm 2013

Giám đốc cơ sở sản xuất thuốc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



DS. Nguyễn Thị Kim Hằng

TOA HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

ANCICON

Viên nang cứng

THÀNH PHẦN:

Sulpiride50mg

Tinh bột ngô, Bột talc ...v.đ 1 viên nang

DƯỢC LỰC HỌC

Dẫn chất tổng hợp có tác dụng an thần kinh, giải ức chế.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Đường uống, sulpiride được hấp thu trong 4,5 giờ ; nồng độ đỉnh của sulpiride trong huyết tương là 0,25 mg/ lít sau khi uống viên nang 50mg sulpirid được khuyếch tán nhanh đến các mô, nhất là gan và thận ; sự khuyếch tán đến não kém, chủ yếu là đến tuyến yên.
- Thời gian bán huỷ đào thải trong huyết tương là 7 giờ ; thể tích phân phối là 0,94 lít/ kg. Thanh thải toàn phần là 126 ml/ phút.
- Sulpiride được bài tiết chủ yếu qua thận, nhờ quá trình lọc ở cầu thận. Thanh thải ở thận thường gần bằng với thanh thải toàn phần.

CHỈ ĐỊNH:

Tâm phần phân liệt cấp tính và mạn tính

LIỀU DÙNG: Theo chỉ dẫn của thầy thuốc

Liều trung bình: Người lớn uống 2 - 6 viên/ ngày, chia 2-3 lần.

QUÁ LIỀU - XỬ TRÍ:

Quá liều thuốc thường gặp khi dùng từ 1 đến 16g, nhưng chưa có tử vong ngay cả ở liều 16g. Triệu chứng lâm sàng khác nhau tùy thuộc vào liều dùng. Liều 1-3g có thể gây trạng thái ý thức u ám, bồn chồn và hiếm gặp các triệu chứng ngoại tháp. Liều 3-7g có thể gây tình trạng kích động, lú lẫn và hội chứng ngoại tháp nhiều hơn. Với liều trên 7g, ngoài triệu chứng trên còn có thể gặp hôn mê và hạ huyết áp. Nói chung các triệu chứng thường mất trong vài giờ. Trạng thái hôn mê gặp khi dùng liều cao có thể kéo dài tới 4 ngày.

Xử trí: Sulpirid không có thuốc giải độc đặc hiệu. Vì vậy, nếu mới uống thuốc nên rửa dạ dày, cho uống than hoạt (thuốc gây nôn không có tác dụng), kiểm hóa nước tiểu để tăng thải thuốc. Nếu cần có thể dùng thuốc điều trị hội chứng Parkinson và dùng các biện pháp điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng khác

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với thành phần của thuốc.
- U tế bào ưa crom
- U tủy thượng thận.

*** Thận trọng:**

- Nếu dùng thuốc mà đột nhiên bị sốt cao thì phải ngưng thuốc ngay, nhất là khi dùng liều cao.
- Với người bị suy thận nặng, cần dùng liều thấp và từng đợt ngắn.
- Cũng như với các thuốc an thần khác, nên thận trọng và hạn chế khi dùng cho người bị động kinh, Parkinson, người già, phụ nữ có thai hoặc cho con bú.



TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Sulpirid dung nạp tốt. Khi dùng liều điều trị, tác dụng không mong muốn thường nhẹ hơn các thuốc chống loạn thần khác.

- Thường gặp: mất ngủ hoặc buồn ngủ; tăng prolactin máu, tăng tiết sữa, rối loạn kinh nguyệt hoặc vô sinh
- Ít gặp: kích thích quá mức, hội chứng ngoại tháp, hội chứng Parkinson; khoảng QT kéo dài.
- Hiếm gặp: chứng vú to ở đàn ông, loạn vận động muộn, hội chứng sốt cao ác tính do thuốc an thần kinh; hạ huyết áp thể đứng, chậm nhịp tim hoặc loạn nhịp; Hạ thân nhiệt, nhạy cảm với ánh sáng, vàng da do ứ mật
- Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Không nên dùng

LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc gây buồn ngủ nên tránh dùng khi vận hành máy móc, tàu xe.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Không nên phối hợp với levodopa (đối kháng), với rượu (tăng tác dụng dịu thần kinh).
- Phải thận trọng khi sử dụng với các thuốc trị tăng huyết áp và các thuốc chống trầm cảm tác dụng trên thần kinh trung ương vì gây hạ huyết áp và tăng trầm cảm.

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ
THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO SỰ KÊ ĐƠN CỦA THẦY THUỐC**

- **Hạn dùng** : 30 tháng, kể từ ngày sản xuất.
- **Bảo quản** : Để nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
- **Tiêu chuẩn** : Tiêu chuẩn cơ sở.

TRÌNH BÀY:

- 10 viên nang/ vỉ, 10 vỉ/ hộp.
- Chai 100 viên nang, kèm toa hướng dẫn.



Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Armephaco
XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150
112 Trần Hưng Đạo - Q1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (08) 38367413 – 38368554
Fax : 84 - 8 - 8368437

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Giám đốc xí nghiệp

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh

DS. *Nguyễn Thị Kim Hằng*